

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 12/01/2022.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đỗ Thị Thu Hương

+ Bà Trần Thị Ngọc Kim

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về “*Xin ly hôn*”, và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST- HNGĐ ngày 20/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn 02, Trường Xuân 02, xã Xuân T, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Trương Anh Th, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn 02, Trường Xuân 02, xã Xuân T, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: 181/7 Trạm Hành 01, xã Trạm H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2021 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Thy trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T với ông Trương Thanh T kết hôn vào năm 2010, tại UBND xã Trạm H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại 181/7 Trạm Hành 01, xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, không lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được. Nên bà Th yêu cầu Tòa án cho bà Th được ly hôn ông Trương Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Anh Th, sinh ngày 02/3/2010 và Trương Anh Tr, sinh ngày 05/3/2015. Hiện các con đang ở với bố. Đối với cháu Th thích ở với ai là quyền của cháu. Cháu thích ở với mẹ thì tôi đồng ý nuôi cháu. Thoại còn cháu Tr tôi giao cho ông T nuôi dưỡng. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và bà Th cũng không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng ông T cũng không đến tòa. Nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: bà T vẫn yêu cầu xin ly hôn ông Trương Thanh T yêu cầu được nuôi cháu Trương Anh Th, còn cháu Tr giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đến trước thời điểm nghị án đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T với ông Trương Thanh T kết hôn vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, không lo cho gia đình. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thy .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, ly hôn theo nguyện vọng của cháu Thuộc ở với mẹ nên giao cháu Th cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tr cho ông Tt trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn ông Trương Anh Tét nên xác định quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Thuyết có hộ khẩu tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Anh T có đăng ký kết, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông Tét say xỉn, đánh đập bà T và không lo cho gia đình con cái.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án đã động viên bà T trở về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái nhưng bà T không đồng ý và xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên xin được ly hôn ông T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T đã được triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa thể

hiện sự không tôn trọng pháp luật, hơn nữa không mong muốn đoàn tụ gia đình. Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa cũng như các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra.

Tại biên bản xác minh khu phố việc mâu thuẫn của vợ chồng bà T, ông T khu phố không biết nên không có cơ sở để hòa giải và cung cấp cho Tòa.

Từ những nhận định trên chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy; dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 xử cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Anh T được ly hôn là có căn cứ.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Anh Th, sinh ngày 02/3/2010 và Trương Anh Tr, sinh ngày 05/3/2015. Hiện các con đang ở với bố. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Th thì cháu Th mong muốn ở với mẹ. Nên giao cháu Thoại cho Nguyễn Thị Ngọc Th trực, giao cháu Tr cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và bà T cũng không cấp dưỡng nuôi con chung

[5] *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: Không ai yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] *Về tài sản chung*: Không có.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

[8] *Về án phí*: bà T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Anh T được ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1 Giao con chung tên: Trương Anh Th, sinh ngày 02/3/2010 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T, trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Trương Anh Tr, sinh ngày 05/3/2015 cho ông Trương Anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng bà T đã tạm nộp theo biên lai thu số: 0003942 ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Trương Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THA Đà Lạt;
- UBND, xã Trạm Hành, TP Đà Lạt.
- Đương sự;
- Lưu;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Điền

